

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 07-3-2019  
V/v Ly hôn, con chung giữa anh  
S và chị T”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Việt Hùng;
2. Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2, xã Hải Đ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú cuối cùng: Xóm 2, xã Hải Đ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(anh S xin vắng mặt; chị T bị Tòa án tuyên bố mất tích).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 02-6-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh S tại xóm 2, xã Hải Đ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian anh S đi làm xa, chị T ở nhà bỏ bê con cái, ham vui chơi bạn bè, có quan hệ với người đàn ông khác sau đó đã bỏ nhà đi từ tháng 12-2015 cho đến nay. Anh S và gia đình đã đi tìm nhưng không có tin tức, địa chỉ của chị T. Do chị T bỏ nhà đi đến nay không có tin tức, địa chỉ nên anh S đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HH tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích. Ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân huyện HH đã ra Quyết định số: 64/2018/QĐST-DS, tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích theo quy định của pháp luật. Nay do chị T đã bỏ đi mất tích, tình cảm vợ chồng không còn nên anh S làm đơn xin ly hôn chị T

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thị Thu Huyền, sinh ngày 05-6-2012 và cháu Trần Nhật Tiến, sinh ngày 06-6-2014, hiện nay hai con đang do anh S nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn anh S đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng chăm sóc con và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Do vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên anh S không đề nghị xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh S xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị T như đơn khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích đến nay vẫn không có tin tức. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh S và chị T là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Do chị T mất tích nên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68 Bộ luật Dân sự cho anh Trần Văn S ly hôn với Nguyễn Thị T. Về con chung, giao hai con chung cho anh S nuôi dưỡng, không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh S như đề nghị của anh S là phù hợp. Về tài sản chung không có nên không xem xét giải quyết và buộc anh S phải nộp án phí theo quy định của pháp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn S có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị T bỏ đi mất tích nên cũng vắng mặt tại phiên tòa . Do đó, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S, chị T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đ, huyện HH, tỉnh Nam Định ngày 02-6-2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12-2015. Vì vậy, chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú không có tin tức địa chỉ nên anh S đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích. Ngày 20-11-2018 Tòa án nhân dân huyện HH đã Quyết định tuyên bố chị T mất tích theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án nhân dân huyện HH tuyên bố chị T mất tích anh S đã có đơn khởi kiện xin ly hôn chị T. Xét yêu cầu của anh Trần Văn S là hợp pháp, để bảo đảm quyền lợi cho anh S nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và quy định tại khoản 2 điều 68 Bộ luật Dân sự.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là cháu Trần Thị Thu Huyền, sinh ngày 05-6-2012 và cháu Trần Nhật Tiến, sinh ngày 06-6-2014, hiện nay đang do anh S nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét nguyện vọng của anh S sau khi ly hôn được tiếp tục được nuôi dưỡng chăm sóc các con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với các quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Anh S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay hoặc vay mượn ai tài sản gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao anh Trần Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Trần Thị Thu Huyền, sinh ngày 05-6-2012 và cháu Trần Nhật Tiến, sinh ngày 06-6-2014 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động

hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Văn S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000278 ngày 11-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HH, anh Trần Văn S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Hải Đ: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Văn Ái**